

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
MÔN: SINH 9

Bài 63: ÔN TẬP PHẦN SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

Bảng 63.1. Môi trường và nhân tố sinh thái.

Môi trường	Nhân tố sinh thái	Ví dụ
Môi trường nước	NTST hữu sinh NTST vô sinh	+ Cá, tôm, cua, rận nước, + Nước, bùn đất, các chất khoáng.
Môi trường đất	NTST hữu sinh NTST vô sinh	+ Giun đất, dế, trâu, bò, gà, cây cối, + Đất, đá, nước.
Môi trường không khí	NTST hữu sinh NTST vô sinh	+ Sáo, bồ câu, chuồn chuồn, + Không khí.
Môi trường sinh vật	NTST hữu sinh NTST vô sinh	+ Vật chủ và vật kí sinh: giun sán, người, chó... + Thức ăn có ở vật chủ (nước, chất hữu cơ, chất vô cơ...)

Bảng 63.2. Sự phân chia các nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái

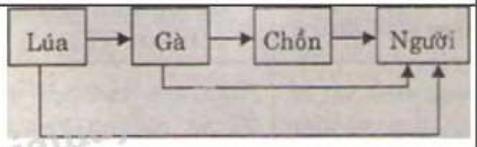
Nhân tố sinh thái	Nhóm thực vật	Nhóm động vật
-------------------	---------------	---------------

Ánh sáng	Nhóm cây ưa sáng Nhóm cây ưa bóng	Nhóm động vật ưa sáng Nhóm động vật ưa tối
Nhiệt độ	Thực vật biến nhiệt	Động vật biến nhiệt Động vật hằng nhiệt
Độ ẩm	Thực vật ưa ẩm Thực vật chịu hạn	Động vật ưa ẩm Động vật ưa khô

Bảng 63.3. Quan hệ cùng loài và khác loài

Quan hệ	Cùng loài	Khác loài
Hỗ trợ	Quần tụ cá thể Cách li cá thể	Cộng sinh Hội sinh
Đối địch	Cạnh tranh thức ăn, chỗ ở Cạnh tranh trong mùa sinh sản	Cạnh tranh Kí sinh, nửa kí sinh Sinh vật này ăn sinh vật khác

Bảng 63.4. Hệ thống các khái niệm

Khái niệm	Định nghĩa	Ví dụ minh họa
Quần thể	Quần thể là tập hợp các cá thể cùng một loài sinh sống trong một không gian nhất định ở một thời điểm nhất định, có khả năng sinh sản tạo ra thế hệ mới	Quần thể cá chép trong ao Quần thể lúa trong ruộng lúa
Quần xã	Quần xã sinh vật là tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định	Quần xã động vật ở rừng ngập mặn Quần xã thực vật ở ao sen.
Cân bằng sinh học	Cân bằng sinh học trong quần xã là hiện tượng số lượng cá thể sinh vật trong quần xã luôn luôn được khống chế ở một mức độ phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.	Ví dụ: số lượng cá thể của hai loài rắn và chuột luôn được điều chỉnh ở mức độ cân bằng nhờ chúng khống chế lẫn nhau vì chuột là thức ăn của rắn.
Hệ sinh thái	Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và môi trường sống của sinh vật (sinh cảnh)	Hệ sinh thái của rừng mưa nhiệt đới Hệ sinh thái đồng ruộng
Chuỗi thức ăn	Chuỗi thức ăn là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau và mỗi loài là một mắt xích của chuỗi, một mắt xích vừa có nguồn thức ăn là mắt xích phía trước vừa là nguồn thức ăn của mắt xích phía sau	Ví dụ: Cỏ → thỏ → sói
Lưới thức ăn	Là tập hợp các chuỗi thức ăn có các mắt xích chung	

Bảng 63.5. Các đặc trưng của quần thể

Các đặc trưng	Nội dung cơ bản	Ý nghĩa sinh thái
Tỉ lệ đực/cái	Phần lớn các quần thể có tỉ lệ đực : cái là 1:1	Cho thấy tiềm năng sinh sản của quần thể
Thành phần nhóm tuổi	Quần thể gồm các nhóm tuổi: - Nhóm trước sinh sản - Nhóm sinh sản - Nhóm sau sinh sản	- Tăng trưởng khối lượng kích thước quần thể. - Quyết định mức sinh sản của quần thể - Không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể.
Mật độ quần thể	Là số lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.	Phản ánh các mối quan hệ trong quần thể và có ảnh hưởng tới các đặc trưng khác của quần thể.

Bảng 63.6. các dấu hiệu điển hình của quần xã

Các dấu hiệu	Các chỉ số	Thể hiện
Số lượng các loài trong quần xã	Độ đa dạng	Là mức phong phú về số lượng loài trong quần xã
	Độ nhiều	Là mật độ cá thể của từng quần thể trong quần xã
	Độ thường gặp	Là tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài, tổng số địa điểm quan sát
Thành phần loài trong quần xã	Loài ưu thế	Là loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã
	Loài đặc trưng	Là loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác

Bài 64: TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH TOÀN CẤP

I/ Đa dạng sinh học

II/ Tiến hoá của động vật và thực vật

III/ Sinh học cơ thể

IV/ Sinh học tế bào

V/ Di truyền và biến dị

VI/ Sinh vật và môi trường